

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 13-01-2022
v/v tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh giới).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Tường Vi;
2. Ông Đinh Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Lý số 443/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXX - ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1943; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho bà R là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương theo văn bản hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2021. Có mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ Liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2/ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978; địa chỉ ấp Tân L, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

4/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 (vợ ông H); ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2001 (con ông H); ông Nguyễn Văn Th sinh năm 2007 (con ông H). Cùng địa chỉ ấp H, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

(Bà Q, bà Q, bà L, bà Th, ông Th có văn bản xin vắng mặt); ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020, các tài Liệu, chứng cứ, Lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của nguyên đơn ông H thể hiện:

Ông H L một trong những người con của ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1950, chết năm 2016), bà Ngô Thị M (sinh năm 1953, chết năm 2021). Ông Đ, bà M có 4 con chung là Nguyễn Thị V, sinh năm 1974; Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. Cha của ông Đ là ông Nguyễn Văn P (sinh năm nào không nhớ, chết năm 2003); mẹ của ông Đ là bà Nguyễn Thị B (sinh năm nào không nhớ, chết năm 1975); ông Đ không có vợ con nào khác. Cha của bà M L ông Ngô Văn Kh (sinh năm nào, mất năm nào không nhớ, chết trước năm 1975). Mẹ của M là ông Lê Thị Ng (sinh năm nào, mất năm nào không nhớ, chết trước năm 1975).

Quá trình sử dụng đất: Sau năm 1975, ông Đ, bà M khai phá khu đất (hiện nay là thửa 59 tờ bản đồ số 09 ấp H, xã L,). Năm 1988, ông Đ có bán cho bà Nguyễn Thị R một phần đất giáp ranh đất. Ngày 31 tháng 5 năm 1996, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa 59 tờ bản đồ số 09 ấp H, xã L. Ngày 11 tháng 12 năm 2002, hộ ông Đ được cấp đổi sổ quyền sử dụng đất. Ngày 28/12/2012, ông Đ Lập di chúc cho ông H toàn bộ đất này; di chúc có UBND xã Long Tân chứng thực. Ông Đ, bà M cùng ông H, vợ con ông H sử dụng đất Liên tục đến năm 2016, ông Đ chết. Sau khi ông Đ chết, ông H làm thủ tục sang tên theo di chúc thì bà H không xác định Liên ranh và phát sinh tranh chấp với bà H. Khi giải quyết tranh chấp thì ông H xác định phần đất tranh chấp giáp ranh là do bà Nguyễn Thị R đứng tên quyền sử dụng đất nên ông H kiện bà R.

Ông H khởi kiện bà R tranh chấp như sau:

Đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, ông H yêu cầu bà R trả diện tích 140m² nhưng khi đo đạc, thẩm định phần đất mà ông Nguyễn Văn H tranh chấp với bà Nguyễn Thị R được xác định từ điểm đo số 12 đến điểm đo số 13 đến đặt tên số 13a đến điểm đặt tên số 9c đến điểm đặt tên số 9b đến điểm đặt tên số 9e kéo về điểm đo 12 có diện tích là 132,16m² nên ông H kiện đòi bà R trả lại diện tích 132,16m² (như bản vẽ ngày 25/6/2021).

Ông H xác định ranh giữa đất của ông Đ với đất bà H là từ cuối góc nhà cấp 4 của bà H đến điểm đo số 13 (thể hiện trên bản trích Lục địa chính có đo

đạc chính Lý số 792-2020 ký ngày 31/12/2020). Phần đất từ phía sau nhà bà H đến cuối đất L giáp đất với bà Nguyễn Thị R nên Tòa án đã tách vụ án để xử lý với bà R bằng vụ án khác, ông H thống nhất tách vụ án.

Chứng cứ để ông H tranh chấp với bà R chỉ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Dầu Tiếng cấp đổi sổ cho ông Nguyễn Văn Đ đứng tên ngày 11/12/2002. Ông H thừa nhận Tòa án đã giao cho ông H thông báo giao nộp chứng cứ nhưng ông không có chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án căn cứ sở quyền sử dụng đất của hai bên để xét xử.

Theo các tài Liệu, chứng cứ, Lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (bà H) thể hiện:

Bà H đại diện cho bà R không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Lý do, ông H khởi kiện sai hoàn toàn.

Quá trình sử dụng đất như sau: Năm 1988 bà Nguyễn Thị R mua đất của ông Nguyễn Văn Đ. Năm 1996, bà R cho bà H phần đất thửa 62 tờ bản đồ số 09 xã Long Tân. Ngày 26/01/2006, bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sổ ghi hộ nhưng thực chất chỉ có một mình bà R. Không có ai có tên trong sổ của bà R. Bà R không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông H kiện đòi bà R trả lại diện tích 132,16m² bà R (do bà H đại diện) không chấp nhận.

Ý kiến vắng mặt của các ông L, bà V, Q, L, Th, Th: thống nhất với ý kiến ông H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu ý kiến:*

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn ông H; đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà R là bà H, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông L có mặt. Các đương sự khác có văn bản xin vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử đúng quy định.

Quan hệ pháp Luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất.

Quan điểm xử lý vụ án: Cả hai bên đương sự đều quyền sử dụng đất và chỉ đề nghị Tòa án căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào bản đồ địa chính chính quy cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự, bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NH ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 19/10/2020, ông H khởi kiện bà H tranh chấp yêu cầu bà H phải trả Lại cho gia đình ông H diện tích 135m² (1,8m ngang và chiều dài 75m); ngày 25/02/2021, ông H khởi kiện thêm bị đơn là bà Nguyễn Thị R. Vụ kiện chưa được hoà giải cơ sở nên Toà án tạm đình chỉ. Sau khi UBND xã Long Tân hoà giải không thành, ông H xác định kiện bà Nguyễn Thị R là chủ quyền sử dụng đất để tranh chấp quyền sử dụng đất. Toà án xác định bị đơn là bà Nguyễn Thị R nên Quyết định tách vụ án.

[1.2] Quyền khởi kiện của ông H:

Theo Công văn số 2317/UBND-BTCD ngày 26/10/2021 của UBND huyện Dầu Tiếng xác định quyền sử dụng đất thửa 59 tờ bản đồ sơ 09 ấp Hồ Đ xã Long Tân cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ được UBND huyện Dầu Tiếng cấp giấy chứng nh quyền sử dụng đất ngày 11/12/2002. Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất không có hộ khẩu trong nên UBND huyện Dầu Tiếng không xác định thành viên trong hộ. Ông Đ chết năm 2015. Ông Đ có vợ là bà Ngô Thị M (đã chết ngày 06 tháng 4 năm 2021). Cha của ông Đ là ông Nguyễn Văn Phúc (sinh năm nào không nhớ, chết năm 2003); mẹ của ông Đ là bà Nguyễn Thị B (sinh năm nào không nhớ, chết năm 1975); ông Đ không có vợ con nào khác. Bà M chết năm 2021. Cha của bà M là ông Ngô Văn Kh (sinh năm nào, mất năm nào không nhớ, chết trước năm 1975). Mẹ của M là bà Lê Thị Ng (sinh năm nào, mất năm nào không nhớ, chết trước năm 1975). Ông Đ, bà M có 04 con chung tên L Nguyễn Thị V, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986. Ông Đ, bà M không có con riêng, con nuôi. Ông H đang trực tiếp sử dụng đất, ông H cho rằng ông H có di chúc ngày 28/12/2012 của ông Đ để lại toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên. Khi ông H cho rằng ranh giới bị bà R không xác định ranh nên ông khởi kiện bảo vệ quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xác định ông H có quyền khởi kiện.

Từ Công văn số 2317/UBND-BTCD xác định quyền sử dụng đất thửa 63 tờ bản đồ sơ 09 ấp Hồ Đ xã Long Tân cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R được UBND huyện Dầu Tiếng cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2006. Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất không có hộ khẩu nên UBND huyện Dầu Tiếng không xác định thành viên trong hộ.

Tại phiên toà ông H rút lại 01 phần yêu cầu phản tố từ khởi kiện ban đầu diện tích L 140m² còn 132,16m² theo diện tích đo đạc thực tế (đã xác định bằng bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021). Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện và phù hợp với Khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần bà H rút yêu cầu.

[1.3] Quan hệ tranh chấp trong vụ án L tranh chấp quyền sử dụng đất (bất động sản liền kề) theo Điều 12, 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 175, 176 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[1.4] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Phần quyền sử dụng đất và tài sản tranh chấp tại xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3, khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, ông H khởi kiện bà R tranh chấp yêu cầu bà H phải trả lại cho gia đình ông H diện tích 140m². Tại phiên toà, ông H còn tranh chấp theo diện tích đo đạc thực tế là 132,16m².

Ông Nguyễn Văn H đang canh tác, sử dụng thửa số 59 tờ bản đồ số 09 ấp Hố Đ xã Long Tân cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ được UBND huyện Dầu Tiếng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2002. Bà R đang quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 63 tờ bản đồ số 09 ấp Hố Đ xã Long Tân. Phần đất này được UBND huyện D cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2006. Thửa số 59 và thửa số 63 giáp ranh nhau. Các bên không thực hiện việc cắm ranh giới rõ ràng đối với bất động sản. Năm 2020, ông H thực hiện thủ tục chuyển tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Văn Đ sang tên ông H thì bà R không xác định ranh giới, hai bên không thống nhất ranh giới nên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Dầu Tiếng của hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 11/12/2002; xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Dầu Tiếng của hộ bà Nguyễn Thị H ngày 20/5/2003; xem xét Công văn số 2317/UBND-BTCD ngày 26/10/2021 của UBND huyện Dầu Tiếng; Lời trình bày của ông H, bà H đại diện cho bà R, Hội đồng xét xử nhận định: Khi các bên thực hiện việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bên nào thực hiện đo đạc thực tế mà theo bản đồ không ảnh; không bên nào thực hiện ký xác nhận liên ranh; hai bên không thực hiện cắm ranh mốc giữa hai bất động sản.

Trong quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên toà, cả ông H và bà H đều xác định quyền sử dụng đất mà các bên được UBND huyện Dầu Tiếng đã cấp như đã nêu trên và yêu cầu Tòa án căn cứ vào thực tế sử dụng đất cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xử lý phân chia lại ranh giới bất động sản quyền sử dụng đất cho hai bên theo bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021.

Trên cơ sở hướng dẫn đo đạc của các đương sự thể hiện trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2020, bản vẽ ký ngày 31/12/2020, và xác định lại vị trí tranh chấp (bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021); biên bản định giá ngày 11/11/2021 đã xác định phần đất tranh chấp có diện tích 132,16m² (gồm phần đất được ký hiệu các điểm đo từ điểm đặt tên số 13a đến điểm đặt tên số 9b kéo đến điểm đặt tên 9c kéo về điểm đặt tên số 13a có diện tích là 0,06m²; từ điểm đo số 12 đến điểm đo số 13 đến đặt tên số 13a đến điểm đặt tên số 9c đến điểm đặt tên số 9b đến điểm đặt tên số 9e kéo về điểm đo 12) thuộc ấp H, xã L, huyện Dầu Tiếng có tứ cận:

Đông giáp thửa 63 (từ điểm đặt tên 13a đến điểm đo 13)

Tây giáp thửa 59 (từ điểm đo 12 đến điểm đặt tên 9e)

Nam giáp phần đất ông H đang tranh chấp với bà H

Bắc giáp thửa 38 (từ điểm đo 12 đến điểm đo 13)

Định giá 2.000.000 đồng/1m². Diện tích tranh chấp 132,16m² thành tiền 264.320.000 đồng.

+ Tài sản trên đất các đương sự thống nhất nếu Tòa án xét xử giao cho ai quyền sử dụng đất thì bên đó sở hữu tài sản trên đất, không tranh chấp.

Hội đồng xét xử nhận định: đối chiếu, áp thửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 11/12/2002; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Dầu Tiếng của hộ bà Nguyễn Thị R ngày 26/01/2006; cả ông H, bị đơn bà R (do bà H đại diện theo uỷ quyền) đều thừa nhận và cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp đúng diện tích sử dụng của mỗi bên. Hai bên đều không cung cấp chứng cứ gì khác để chứng minh ranh giới bất động sản do mỗi bên hướng dẫn đo đạc theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18 tháng 11 năm 2020 (có bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021). Hội đồng xét xử đối chiếu quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn Đ, hộ bà Nguyễn Thị H với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2020, mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 702-2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Dầu Tiếng ký ngày 31 tháng 12 năm 2020, bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021 và sự tự nguyện xác định ranh giới của ông H (từ điểm đo số 13 đến điểm đặt tên 13a) Hội đồng xét xử NH thấy, ranh giới bất động sản của thửa 59 tờ bản đồ số 9 với thửa 63 tờ 09 xã Long Tân xác định L điểm đặt tên số 9c kéo đến điểm đặt tên số 13a kéo đến điểm đo 13 (trên bản vẽ chi tiết ngày 25/6/2021). Như vậy, quyền sử dụng đất có diện tích 132,16m² thuộc quyền sử dụng đất thửa 59 của gia đình ông H toàn bộ.

Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tài sản trên đất không tranh chấp và thống nhất giao cho bên được giao quyền sử dụng đất làm chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét tài sản trên đất.

Ý kiến ông L, bà V, bà Q, bà L, bà Th, ông Th thống nhất với ý kiến ông H nên có quyền, nghĩa vụ đối với phần đất tranh chấp như nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp NH.

[5] Chi phí đo đạc được đã xử lý trong vụ án tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H kiện bà Nguyễn Thị H (bản án số 02/2022/DS-ST ngày 13/01/2022 của TAND huyện Dầu Tiếng. Chi phí thẩm định 500.000 đồng và chi phí định giá 700.000 đồng. Ông H đã nộp. Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận toàn bộ nên bà R phải trả lại cho ông H số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nhưng bị đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các Lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 266, 271, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại Điều 175, Điều 176 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị R.

1. Ông Nguyễn Văn H cùng bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng đất diện tích 132,16 m² (132,16m² (gồm phần đất được ký hiệu các điểm đo từ điểm đặt tên số 13a đến điểm đặt tên số 9b kéo đến điểm đặt tên 9c kéo về điểm đặt tên số 13a có diện tích là 0,06m²; từ điểm đo số 12 đến điểm đo số 13 đến đặt tên số 13a đến điểm đặt tên số 9c đến điểm đặt tên số 9b đến điểm đặt tên số 9e kéo về điểm đo 12 diện tích 132,1 m²)

Đông giáp thửa 63 (từ điểm đặt tên 13a đến điểm đo 13)

Tây giáp thửa 59 (từ điểm đo 12 đến điểm đặt tên 9e)

Nam giáp phần đất ông H đang tranh chấp với bà H

Bắc giáp thửa 38 (từ điểm đo 12 đến điểm đo 13)

(Bản án có kèm theo sơ đồ bản vẽ).

3. Chi phí đo đạc 500.000 đồng. Ông H đã nộp. Bà R phải trả lại cho ông H số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Chi phí định giá là 700.000 đồng. Ông H đã nộp. Bà R phải trả lại cho ông H số tiền 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045706 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Bà Nguyễn Thị R được miễn án phí do người cao tuổi.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (13 tháng 01 năm 2022).

Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định của pháp Luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn